TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 02 – 2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tín – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 476/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 09/2025/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị Kim C**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

* *Bị đơn*: Anh **Lê Hữu T**, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2024 nguyên đơn chị Lê Thị Kim C trình bày:

Năm 2007, chị C và anh T kết hôn trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình chị C và anh T có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 09/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 15 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cải. Tháng 12 năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Hữu T1, sinh ngày 08/8/2012 và Lê Kim Khánh B, sinh ngày 24/11/2007, đang sống chung với chị C, chị C yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Lê Thị Kim C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Lê Hữu T đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C cũng như theo yêu cầu của Tòa án. Anh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Lê Thị Kim C quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Hữu T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T. Chị Lê Thị Kim C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị C và anh T cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng ý kiến. Chị C xác định không còn tình cảm vợ chồng, thời gian ly thân kéo dài, chị C không muốn tiếp tục chung sống với anh T. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị C và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị C và anh T.

[4]. Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung Lê Hữu T1, sinh ngày 08/8/2012 và Lê Kim Khánh B, sinh ngày 24/11/2007, đang sống chung với chị C.

Chị C yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Lê Hữu T1, sinh ngày 08/8/2012 và Lê Kim Khánh B, sinh ngày 24/11/2007, chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của cháu T1, cháu Khánh B đang sống chung với chị C khi cha mẹ ly hôn và có bản tự khai có nguyện vọng sống chung với chị C nên Hội đồng xét xử giao cháu T1, cháu Khánh B cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án. Cụ thể chị C phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Kim C. Cho chị Lê Thị Kim C được ly hôn với anh Lê Hữu T.

2. Về con chung:

Tiếp tục giao con chung Lê Hữu T1, sinh ngày 08/8/2012 và Lê Kim Khánh B, sinh ngày 24/11/2007, cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị C nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số No 0014525 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị C không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Hồng Chi